

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG MỞ TÀI KHOẢN GIAO DỊCH KÝ QUỸ

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH 11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/6/2006; Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11;
- Căn cứ Thông tư số 203/2015/TT-BTC ngày 21/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về giao dịch chứng khoán;
- Căn cứ Quy chế hướng dẫn giao dịch ký quỹ chứng khoán ban hành kèm theo Quyết định số 87/QĐ-UBCK ngày 25/1/2017 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Căn cứ Hợp đồng mở tài khoản giao dịch ký quỹ số/...../...../...../...../...../...../...../...../..... (“Hợp Đồng”);
- Căn cứ vào yêu cầu và thỏa thuận của các Bên,

Phụ lục Hợp đồng mở tài khoản giao dịch ký quỹ này (“Phụ Lục”) được lập ngày ____/____/____ bởi và giữa các Bên sau đây:

KHÁCH HÀNG (Họ và tên/Tên doanh nghiệp):

Số CNĐKKD*/CMND/CCCD :
Ngày cấp : Nơi cấp:
Địa chỉ liên lạc :
Điện thoại : Fax: Email:
Người đại diện* : Chức vụ:
Theo giấy ủy quyền số** : ký ngày:

Tài khoản giao dịch và lưu ký chứng khoán số 090C..... mở tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank.

(* áp dụng cho khách hàng doanh nghiệp)

(**) áp dụng khi người đại diện không phải là đại diện theo pháp luật

Sau đây gọi tắt là “Khách Hàng”, và

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Giấy phép thành lập và hoạt động số 93/UBCK-GPHĐKD do UBCKNN cấp ngày 16/05/2008.

Địa chỉ liên lạc : Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, 521 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội.

Điện thoại : (024) 3724 5999 Fax: (024) 3724 5775 MST: 0102751333

Đại diện theo pháp luật : **Phan Anh Tuấn** Chức vụ: Tổng Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền : **Ngô Văn Doanh** Chức vụ: Phó Giám đốc Khối Môi giới

Theo Quyết định số 16/2018/NVS/QĐ-TGD ngày 14/06/2018 do Tổng Giám đốc ban hành.

Sau đây gọi tắt là “NVS”.

Hai Bên thống nhất ký kết Phụ Lục này với các điều kiện và điều khoản được quy định như sau:

Điều 1: NVS đã trình bày lý do phải sửa đổi, bổ sung các nội dung trong phần Các điều kiện và điều khoản của Hợp Đồng và chi tiết các nội dung đã thay đổi, bổ sung trong phần CÁC ĐIỀU KIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN CỦA HỢP ĐỒNG đính kèm Phụ Lục này. Khách hàng đã xem xét và chấp thuận toàn bộ các nội dung đã thay đổi và bổ sung.

Điều 2: Hai Bên thống nhất thay thế phần Các điều kiện và điều khoản của Hợp Đồng bằng phần CÁC ĐIỀU KIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN CỦA HỢP ĐỒNG đính kèm Phụ Lục này. Phần CÁC ĐIỀU KIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN CỦA HỢP ĐỒNG này sẽ có hiệu lực ràng buộc Hai Bên kể từ ngày ký Phụ Lục này.

Điều 3: Điều khoản chung

3.1 Phụ Lục này là một phần không tách rời của Hợp Đồng và có hiệu lực kể từ ngày ký.

3.2 Phụ Lục được lập thành hai (02) bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ một (01) bản để thực hiện.

KHÁCH HÀNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

ĐIỀU 1. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

Trong Hợp Đồng này, trừ khi được quy định cụ thể khác đi, các từ/cụm từ được viết hoa sẽ có nghĩa như sau:

- 1.1 **Hợp Đồng** là Hợp đồng mở tài khoản giao dịch ký quỹ này cùng các phụ lục, văn bản sửa đổi, tài liệu đính kèm cấu thành phần không tách rời của Hợp Đồng. Hợp Đồng này đồng thời là hợp đồng tín dụng, theo đó NVS cho Khách Hàng vay Các Khoản Vay để mua Chứng Khoán Ký Quỹ trên TKGDQK.
- 1.2 **Bên** là một trong hai Bên, NVS hoặc Khách Hàng; **Các Bên** hoặc **Hai Bên** là cả Khách Hàng và NVS.
- 1.3 **Giao Dịch Ký Quỹ**, viết tắt là **GDKQ**, là giao dịch mua chứng khoán của Khách Hàng có sử dụng tiền vay của NVS, trong đó chứng khoán vừa mua và các chứng khoán hiện có được sử dụng làm Tài Sản Đảm Bảo cho Khoản Vay.
- 1.4 **Chứng Khoán Được Phép GDKQ**, gọi tắt là **Chứng Khoán Ký Quỹ**, là chứng khoán đáp ứng đủ các điều kiện được phép GDKQ theo quy định của pháp luật và thuộc Danh Mục Chứng Khoán Ký Quỹ do NVS quy định trong từng thời kỳ.
- 1.5 **Danh Mục Chứng Khoán Được Phép GDKQ**, gọi tắt là **Danh Mục Chứng Khoán Ký Quỹ**, là danh mục do NVS lựa chọn và công bố trong từng thời kỳ sau khi loại trừ các chứng khoán thuộc “danh sách chứng khoán không đủ điều kiện GDKQ” do các Sở Giao Dịch Chứng Khoán công bố.
- 1.6 **Lệnh GDKQ** là các chỉ thị/yêu cầu về việc mua/bán Chứng Khoán Ký Quỹ hoặc việc hủy/sửa các chỉ thị mua/bán Chứng Khoán Ký Quỹ của Khách Hàng gửi tới NVS.
- 1.7 **Phiếu Lệnh GDKQ**, gọi tắt là **Phiếu Lệnh**, là văn bản ghi nhận các thông tin về Lệnh GDKQ hoặc là dữ liệu ghi lại các thông tin về Lệnh GDKQ được lưu trên hệ thống giao dịch chứng khoán trực tuyến của NVS do và chỉ do Khách Hàng tạo ra thông qua xác thực truy cập hệ thống và đặt lệnh.
- 1.8 **Tài Khoản Giao Dịch Thông Thường**, viết tắt là **TKGDTT**, là tài khoản giao dịch chứng khoán của Khách Hàng mở tại NVS để giao dịch chứng khoán nhưng không sử dụng tiền vay của NVS.
- 1.9 **Tài Khoản Giao Dịch Ký Quỹ**, viết tắt là **TKGDQK**, là tài khoản giao dịch chứng khoán của Khách Hàng mở tại NVS dành riêng để giao dịch Chứng Khoán Ký Quỹ.
- 1.10 **Khoản Vay** là mỗi khoản tiền mà NVS cho Khách Hàng vay để thực hiện GDKQ. **Các Khoản Vay** bao gồm tất cả các Khoản Vay chưa hoàn trả của Khách Hàng.
- 1.11 **Hạn Mức Cho Vay** là số tiền tối đa mà NVS cho một Khách Hàng vay để thực hiện GDKQ.
- 1.12 **Thời Hạn Vay** là số ngày tối đa mà Khách Hàng được vay để thực hiện GDKQ tính từ ngày giải ngân Khoản Vay.
- 1.13 **Lãi Suất Cho Vay** là lãi suất cho vay GDKQ do NVS công bố theo từng thời kỳ, được áp dụng từ thời điểm giải ngân hoặc gia hạn Khoản Vay.
- 1.14 **Giá Cơ Sở** là mức giá của một đơn vị Chứng Khoán Ký Quỹ, được xác định theo quy tắc sau: i/ Là giá tham chiếu của chứng khoán đó khi đang trong giờ giao dịch; ii/ Là giá đóng cửa của chứng khoán đó tại ngày giao dịch gần nhất khi ngoài giờ giao dịch; iii/ Là mức giá tối đa của chứng khoán đó theo quy định của NVS trong từng thời kỳ khi mức giá tối đa này thấp hơn giá tham chiếu hoặc giá đóng cửa của chứng khoán đó.
- 1.15 **Tỷ Lệ Đảm Bảo** là tỷ lệ phần trăm (%) giữa giá trị do NVS xác định của một đơn vị Chứng Khoán Ký Quỹ và Giá Cơ Sở của Chứng Khoán Ký Quỹ đó. Tỷ Lệ Đảm Bảo được áp dụng riêng cho từng mã chứng khoán và có thể được thay đổi tùy từng thời điểm, tùy theo quyết định của NVS.
- 1.16 **Giá Trị Của Chứng Khoán Ký Quỹ** là giá trị của một Chứng Khoán Ký Quỹ do NVS xác định, bằng Số lượng Chứng Khoán Ký Quỹ nhân với Giá Cơ Sở rồi nhân với Tỷ Lệ Đảm Bảo.
- 1.17 **Dư Nợ Ký Quỹ của Khách Hàng trên TKGDQK**, gọi tắt là **Dư Nợ Ký Quỹ**, là tổng dư nợ gốc và lãi vay của Các Khoản Vay.
- 1.18 **Tổng Tài Sản Trên TKGDQK**, gọi tắt là **Tổng Tài Sản**, bao gồm tiền, tiền bán chứng khoán đang chờ về và tổng Giá Trị Của Chứng Khoán Ký Quỹ hiện có và/hoặc đang chờ về trên TKGDQK.
- 1.19 **Tài Sản Thực Có** trên TKGDQK của Khách Hàng bằng Tổng Tài Sản trừ đi Dư Nợ Ký Quỹ.
- 1.20 **Tài Sản Đảm Bảo** cho GDKQ của Khách Hàng bao gồm: tiền, tiền bán chứng khoán chờ về, cổ tức đang chờ về, chứng khoán hiện có và/hoặc đang chờ về, các quyền liên quan đến chứng khoán trên TKGDQK của Khách Hàng và những tài sản khác được NVS chấp nhận.
- 1.21 **Tỷ Lệ Ký Quỹ** là tỷ lệ phần trăm (%) giữa Tài Sản Thực Có so với Tổng Tài Sản trên TKGDQK.
- 1.22 **Tỷ Lệ Ký Quỹ Ban Đầu** là tỷ lệ tối thiểu mà Tỷ Lệ Ký Quỹ của TKGDQK phải lớn hơn để Khách Hàng được phép đặt lệnh mua Chứng Khoán Ký Quỹ.
- 1.23 **Tỷ Lệ Ký Quỹ An Toàn** là Tỷ Lệ Ký Quỹ tối thiểu mà Khách Hàng phải duy trì để được thực hiện giao dịch bình thường trên TKGDQK cũng như TKGDTT và xin gia hạn Khoản Vay.
- 1.24 **Tỷ Lệ Ký Quỹ Cảnh Báo** là Tỷ Lệ Ký Quỹ tối thiểu mà Khách Hàng phải duy trì để không phải bổ sung Tài Sản Đảm Bảo và/hoặc giảm Dư Nợ Ký Quỹ.
- 1.25 **Tỷ Lệ Ký Quỹ Xử Lý** là giới hạn mà khi Tỷ Lệ Ký Quỹ trên TKGDQK của Khách Hàng xuống thấp hơn thì NVS sẽ thực hiện xử lý Tài Sản Đảm Bảo nếu Khách Hàng không bổ sung Tài Sản Đảm Bảo và/hoặc giảm Dư Nợ Ký Quỹ để đưa về Tỷ Lệ Ký Quỹ An Toàn trong thời hạn theo yêu cầu của NVS, nhưng không quá ba (03) ngày làm việc.
- 1.26 **Yêu Cầu Ký Quỹ Bổ Sung** là thông báo yêu cầu bổ sung Tài Sản Đảm Bảo của NVS gửi tới Khách Hàng khi Tỷ Lệ Ký Quỹ trên

TKGDQK của Khách Hàng xuống thấp hơn Tỷ Lệ Ký Quỹ Xử Lý.

- 1.27 **Giá/Phí Dịch Vụ** là số tiền mà Khách Hàng phải trả cho việc sử dụng các dịch vụ tại NVS theo quy định của pháp luật và của NVS trong từng thời kỳ, bao gồm, nhưng không giới hạn:
- 1.27.1 Giá dịch vụ giao dịch/môi giới liên quan đến GDKQ của Khách Hàng;
 - 1.27.2 Giá dịch vụ lưu ký;
 - 1.27.3 Phí dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán;
 - 1.27.4 Các loại giá dịch vụ hoặc chi phí có liên quan khác.
- 1.28 **Sở Giao Dịch Chứng Khoán**, viết tắt là **SGDCK**, là Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và/hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- 1.29 **Hệ Thống** là hệ thống phần mềm, phần cứng, đường truyền của NVS kiểm soát toàn bộ hoạt động liên quan đến GDKQ.

ĐIỀU 2. MỞ TKGDQK VÀ CHO VAY GDKQ

- 2.1 Khách Hàng đề nghị và NVS chấp thuận mở TKGDQK là tài khoản để dành riêng cho Khách Hàng thực hiện các GDKQ với điều kiện Khách Hàng không thuộc các đối tượng không được phép mở TKGDQK theo quy định của pháp luật về giao dịch chứng khoán nói chung và giao dịch ký quỹ nói riêng.
- 2.2 Phụ thuộc vào các quy định tại Hợp Đồng và khả năng tài chính của mình, NVS cung cấp cho Khách Hàng các Khoản Vay để mua chứng khoán thuộc Danh Mục Chứng Khoán Ký Quỹ trong phạm vi Hạn Mức Cho Vay do NVS quy định tại từng thời điểm.
- 2.3 Hạn Mức Cho Vay là số tiền tối đa Khách Hàng có thể vay từ NVS nhưng không có nghĩa là một cam kết đảm bảo về số tiền NVS sẽ cho Khách Hàng vay trong mọi trường hợp. Hạn Mức Cho Vay có thể được quy định riêng cho từng Khách Hàng trong Phụ Lục đính kèm Hợp Đồng hoặc tuân theo quy định chung cho toàn bộ Khách Hàng của NVS nhưng không vượt quá giới hạn cho vay giao dịch ký quỹ đối với một khách hàng theo quy định của pháp luật. Hạn Mức Cho Vay có thể thay đổi vào bất kỳ thời điểm nào mà không cần có sự chấp thuận từ Khách Hàng. Khách Hàng sẽ không được vay hết Hạn Mức Cho Vay khi một trong các chỉ tiêu sau đây bị chạm giới hạn theo quy định của NVS và pháp luật:
- 2.3.1 Tổng dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ của NVS;
 - 2.3.2 Tổng dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ của NVS đối với một mã chứng khoán;
 - 2.3.3 Tổng số lượng mã chứng khoán mà NVS cho vay giao dịch ký quỹ.
- 2.4 NVS có toàn quyền thay đổi, bổ sung các điều kiện cho vay, giới hạn hoặc hủy bỏ việc cho vay theo Hợp Đồng này khi NVS thấy cần thiết mà không cần có sự chấp thuận từ Khách Hàng, và không quy định nào trong Hợp Đồng này được hiểu là NVS có nghĩa vụ phải cho Khách Hàng vay để thực hiện GDKQ.
- 2.5 Danh Mục Chứng Khoán Ký Quỹ, Tỷ Lệ Ký Quỹ Ban Đầu, Tỷ Lệ Ký Quỹ An Toàn, Tỷ Lệ Ký Quỹ Cảnh Báo, Tỷ Lệ Ký Quỹ Xử Lý do NVS quy định cho từng thời kỳ và được công bố tại quầy giao dịch và/hoặc trên website của NVS. NVS có quyền đơn phương thay đổi Danh Mục Chứng Khoán Ký Quỹ và/hoặc bất kỳ tỷ lệ nào trong các tỷ lệ ký quỹ nói trên vào bất kỳ thời điểm nào và có thể áp dụng các thay đổi này ngay cả khi Khách Hàng chưa nhận được thông báo. NVS được quyền sửa đổi, bổ sung các công thức được quy định trong Hợp Đồng nếu thấy cần thiết mà không cần có sự chấp thuận từ Khách Hàng.
- 2.6 NVS được toàn quyền chuyển giao hoặc chuyển nhượng cho bên thứ ba thực hiện toàn bộ hoặc một phần các quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến GDKQ mà không cần sự chấp thuận của Khách Hàng nhưng NVS có nghĩa vụ thông báo cho Khách Hàng.

ĐIỀU 3. ỦY QUYỀN QUẢN LÝ TKGDQK

Bằng Hợp Đồng này, Khách Hàng đồng ý ủy quyền không hủy ngang cho NVS và/hoặc người đại diện của NVS, cho đến khi Khách Hàng hoàn thành mọi nghĩa vụ theo Hợp Đồng đối với NVS và chính thức thanh lý Hợp Đồng, thay mặt Khách Hàng thực hiện các công việc sau:

- 3.1 Ký thay Khách Hàng các Phiếu Lệnh đối với các Lệnh GDKQ mà Khách Hàng đặt lệnh qua điện thoại hoặc bằng các phương thức đặt lệnh khác ngoài phương thức giao dịch trực tuyến;
- 3.2 Thay mặt Khách Hàng ký kết, hoàn tất các thủ tục, hồ sơ với bất kỳ tổ chức, cá nhân mà NVS hợp tác để thu xếp nguồn vốn tài trợ cho hoạt động GDKQ của Khách Hàng. NVS được toàn quyền sử dụng Tài Sản Đảm Bảo của Khách Hàng để làm tài sản thế chấp trong trường hợp NVS cần vay vốn từ bên thứ ba để cung cấp dịch vụ GDKQ cho Khách Hàng;
- 3.3 Lập văn bản xác nhận đối với Khoản Vay đã giải ngân để lưu trong hồ sơ giao dịch của Khách Hàng. Khách Hàng đương nhiên ghi nhận nghĩa vụ hoàn trả đối với Khoản Vay ghi trên văn bản do NVS lập mà không cần có thêm bất cứ văn bản nào về việc xác nhận của Khách Hàng;
- 3.4 Phong tỏa và quản lý Chứng Khoán Ký Quỹ để đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ đối với NVS và các bên liên quan theo Hợp Đồng này và quy định của pháp luật;
- 3.5 Thực hiện các nghĩa vụ thanh toán các GDKQ do Khách Hàng thực hiện;
- 3.6 Trích/rút tiền trên TKGDQK của Khách Hàng để thanh toán các khoản nợ gốc, lãi vay, Giá/Phí Dịch Vụ và các khoản phải trả khác cho NVS. Trong trường hợp tiền trên TKGDQK của Khách Hàng không đủ để thanh toán các khoản nợ gốc, lãi vay, Giá/Phí

- Dịch Vụ và các khoản phải trả khác thì Khách Hàng ủy quyền cho NVS được trích/rút tiền trên TKGDĐT để thanh toán cho đủ các khoản nợ gốc, lãi vay, Giá/Phí Dịch Vụ và các khoản phải trả khác cho NVS;
- 3.7 Trích nộp các khoản thuế theo quy định của pháp luật, giữ lại chứng khoán, tiền của Khách Hàng để đảm bảo cho việc thực hiện nộp thuế;
- 3.8 Xử lý Tài Sản Đảm Bảo để thu hồi nợ theo các trường hợp quy định tại Điều 9.1 của Hợp Đồng này. Trường hợp phải xử lý Tài Sản Đảm Bảo bằng cách bán các chứng khoán, NVS được chủ động bán số chứng khoán này mà không cần phải có một văn bản ủy quyền hoặc Phiếu Lệnh bán chứng khoán nào khác của Khách Hàng;
- 3.9 Cung cấp các thông tin liên quan đến TKGDQ theo quy định của pháp luật;
- 3.10 Chỉ định lại cho các bên đại diện, môi giới, nhằm thực hiện bất kỳ hành vi nào thay mặt, nhân danh Khách Hàng theo nội dung Khách Hàng đã ủy quyền cho NVS.

ĐIỀU 4. GIAO DỊCH TRÊN TKGDQ

- 4.1 Khách Hàng đặt Lệnh GDKQ:
- 4.1.1 Trực tiếp tại Quầy giao dịch của NVS bằng cách nộp Phiếu Lệnh đã điền đầy đủ các thông tin theo mẫu quy định của NVS; hoặc
- 4.1.2 Khách Hàng đặt Lệnh GDKQ thông qua các phương thức giao dịch từ xa. Trong trường hợp này, Khách Hàng cần phải ký Đăng ký sử dụng dịch vụ tiện ích giao dịch chứng khoán với NVS. Phương thức giao dịch từ xa tuân theo các quy định tại Hợp đồng mở TKGDĐT.
- 4.2 Lệnh GDKQ chỉ được chấp nhận khi:
- 4.2.1 Chứng khoán Khách Hàng mua phải thuộc Danh Mục Chứng Khoán Ký Quỹ;
- 4.2.2 Tỷ Lệ Ký Quỹ tại thời điểm đặt lệnh phải lớn hơn Tỷ Lệ Ký Quỹ Ban Đầu;
- 4.2.3 Dư Nợ Ký Quỹ dự kiến trong trường hợp Lệnh GDKQ khớp không vượt quá Hạn Mức Cho Vay;
- 4.2.4 Các giới hạn cho vay ký quỹ của NVS như quy định tại Điều 2.3 vẫn đảm bảo;
- 4.2.5 Khách Hàng không có nợ quá hạn.
- 4.3 NVS có quyền chấp nhận hoặc từ chối thực hiện các Lệnh GDKQ của Khách Hàng mà không cần giải thích lý do.
- 4.4 Trừ trường hợp NVS có quyết định khác đi bằng Phụ lục ký với Khách Hàng, NVS không cho vay để thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm phát sinh trên TKGDQ.
- 4.5 Chứng khoán phát sinh từ thực hiện quyền, dù chứng khoán đó nằm trên TKGDĐT hay TKGDQ, sẽ được phân bổ toàn bộ về TKGDĐT, trừ trường hợp có thỏa thuận khác với Khách Hàng.

ĐIỀU 5. GIẢI NGÂN KHOẢN VAY

- 5.1 Việc Khách Hàng đặt lệnh mua Chứng Khoán Ký Quỹ trên TKGDQ đồng nghĩa với việc Khách Hàng đề nghị NVS cho Khách Hàng vay số tiền còn thiếu để thanh toán lệnh mua nếu khớp. Khi NVS giải ngân và ghi nhận nợ vào TKGDQ của Khách Hàng số tiền còn thiếu đó, Khách Hàng đương nhiên nhận nợ Khoản Vay đã được giải ngân theo quy định trên đây và cam kết trả nợ theo thỏa thuận trong Hợp Đồng mà không cần có bất kỳ sự xác nhận nào khác.
- 5.2 Hàng ngày, NVS căn cứ vào số dư tiền hiện có trên TKGDQ tính tới 16 giờ 00 phút và số tiền Khách Hàng cần để thanh toán cho các lệnh mua Chứng Khoán Ký Quỹ đã khớp để giải ngân Khoản Vay cho Khách Hàng theo số tiền mà Khách Hàng thiếu trong phiên giao dịch cùng ngày. Trong trường hợp TKGDQ của Khách Hàng có các khoản tiền chờ về, NVS được phép tự động ứng trước để thanh toán cho các lệnh mua Chứng Khoán Ký Quỹ đã khớp mà không cần sự chấp thuận của Khách Hàng.
- 5.3 Mỗi lần giải ngân là một Khoản Vay riêng biệt và do vậy, các quy định về thời hạn vay, trả nợ vay, lãi suất cho vay và các điều khoản cho vay khác sẽ áp dụng cho từng Khoản Vay một cách riêng biệt.
- 5.4 Khách Hàng có thể được giải ngân một hoặc nhiều lần để thực hiện GDKQ miễn là Dư Nợ Ký Quỹ không vượt quá Hạn Mức Cho Vay.
- 5.5 Khách Hàng cam kết đã hiểu, đồng ý và không có bất kỳ khiếu nại, tranh chấp nào đối với NVS về cách thức giải ngân theo quy định tại Điều này.

ĐIỀU 6. LÃI SUẤT CHO VAY, THỜI HẠN VAY VÀ GIA HẠN KHOẢN VAY

- 6.1 Lãi Suất Cho Vay là lãi suất tính theo ngày, được quy định riêng cho từng Khách Hàng trong Phụ Lục đính kèm Hợp Đồng hoặc tuân theo quy định chung cho toàn bộ Khách Hàng của NVS nhưng không vượt quá mức lãi suất cho vay theo quy định của pháp luật. Lãi Suất Cho Vay có thể thay đổi vào bất kỳ thời điểm nào mà không cần có sự chấp thuận từ Khách Hàng. Trong trường hợp có thay đổi, Lãi Suất Cho Vay mới sẽ có hiệu lực áp dụng đối với Khoản Vay phát sinh hoặc được gia hạn từ thời điểm NVS áp dụng Lãi Suất Cho Vay mới.
- 6.2 Khách Hàng phải trả Lãi vay vào ngày trả nợ (toàn bộ hay một phần) Khoản Vay hoặc ngày gia hạn Khoản Vay, được tính trên cơ sở Lãi Suất Cho Vay và số ngày vay thực tế (bao gồm cả ngày giao dịch, ngày nghỉ, lễ, Tết) theo công thức sau:

$$\text{Lãi vay} = \text{Khoản Vay} \times \text{Lãi Suất Cho Vay theo ngày} \times \text{Số ngày vay thực tế}$$

Số ngày vay thực tế được tính từ ngày giải ngân Khoản Vay đến (và bao gồm) ngày trả nợ/gia hạn Khoản Vay.

Cách tính Lãi vay có thể thay đổi theo quyết định của NVS mà không cần có sự chấp thuận từ Khách Hàng.

Lãi vay tối thiểu là 50.000 (năm mươi nghìn) đồng.

- 6.3 Lãi suất quá hạn áp dụng đối với các khoản nợ quá hạn bằng 150% Lãi Suất Cho Vay tại cùng thời điểm hoặc theo quy định của NVS trong từng thời kỳ, phù hợp với quy định của pháp luật. Lãi vay quá hạn được tính theo công thức sau:

Lãi vay quá hạn = Dư nợ quá hạn x Lãi suất quá hạn theo ngày x Số ngày quá hạn

Dư nợ quá hạn bao gồm cả dư nợ gốc và dư nợ lãi vay quá hạn (nếu có). Số ngày quá hạn được tính từ (nhưng không bao gồm) ngày kết thúc Thời Hạn Vay đến (và bao gồm) ngày trả Dư nợ quá hạn.

- 6.4 Thời Hạn Vay được tính từ ngày NVS giải ngân Khoản Vay vào TKGDQK của Khách Hàng. Thời Hạn Vay của Các Khoản Vay được quy định riêng cho từng Khách Hàng trong Phụ Lục đính kèm Hợp Đồng hoặc tuân theo quy định chung cho toàn bộ Khách Hàng của NVS nhưng không vượt quá thời hạn cho vay giao dịch ký quỹ theo quy định của pháp luật. Thời Hạn Vay có thể thay đổi vào bất kỳ thời điểm nào mà không cần thông báo hoặc cần có sự chấp thuận từ Khách Hàng. Trong trường hợp có thay đổi, Thời Hạn Vay mới sẽ có hiệu lực áp dụng đối với Khoản Vay phát sinh hoặc được gia hạn từ thời điểm NVS áp dụng Thời Hạn Vay mới. Trong trường hợp ngày cuối cùng của Thời Hạn Vay rơi vào Thứ Bảy, Chủ Nhật hoặc ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật thì Thời Hạn Vay được tính là kết thúc vào ngày làm việc kế tiếp liền kề với các ngày đó.

- 6.5 Trong trường hợp Khách Hàng có nhu cầu gia hạn Khoản Vay, Khách Hàng cần gửi Đơn đề nghị gia hạn (theo mẫu của NVS) bằng văn bản. Khoản Vay sẽ được gia hạn nếu:

- 6.5.1 Tỷ Lệ Ký Quỹ tại thời điểm xin gia hạn không thấp hơn Tỷ Lệ Ký Quỹ An Toàn;
- 6.5.2 Khách Hàng đã thanh toán toàn bộ lãi vay phát sinh đến hết ngày xin gia hạn;
- 6.5.3 NVS chấp thuận cho gia hạn.

Thời gian gia hạn không quá chín mươi (90) ngày kể từ ngày gia hạn. Số lần gia hạn tối đa là một (01) lần, trừ khi NVS có quy định khác áp dụng riêng cho từng Khách Hàng. Phí gia hạn được áp dụng theo quy định của NVS trong từng thời kỳ.

ĐIỀU 7. TRẢ NỢ KHOẢN VAY VÀ THU HỒI NỢ TRƯỚC HẠN

- 7.1 Vào ngày kết thúc Thời Hạn Vay, Khách Hàng có trách nhiệm trả cho NVS toàn bộ nợ gốc và lãi vay của Khoản Vay và các chi phí phát sinh khác (nếu có). Để trả nợ, Khách Hàng có thể nộp/chuyển khoản tiền vào TKGDQK hoặc bán chứng khoán trên TKGDQK. Nếu tiền bán chứng khoán về TKGDQK sau ngày kết thúc Thời Hạn Vay thì NVS có quyền ứng trước tiền bán chứng khoán để thu nợ đúng hạn.
- 7.2 Trong trường hợp Khách Hàng trả nợ một phần Khoản Vay trước hạn, số tiền trả nợ trước hết dùng để thanh toán cho lãi vay phát sinh của toàn bộ Khoản Vay tính đến ngày trả nợ, sau đó mới dùng phần còn lại để trả nợ một phần gốc của Khoản Vay.
- 7.3 Nếu sau 16 giờ 00 phút của ngày kết thúc Thời Hạn Vay mà Khách Hàng chưa hoàn thành nghĩa vụ trả nợ thì NVS có quyền (nhưng không có nghĩa vụ) khấu trừ bất kỳ số tiền nào trên TKGDQK, TKGDTT và/hoặc xử lý Tài Sản Đảm Bảo trên TKGDQK và các tài sản khác của Khách Hàng để thu hồi nợ. Phần nợ chưa thu hồi sẽ bị coi là nợ quá hạn và bị tính lãi suất quá hạn theo quy định tại Điều 6.3 của Hợp Đồng. Phần nợ lãi vay chưa thu hồi (nếu có) sẽ bị cộng dồn vào nợ gốc chưa thu hồi để tính lãi quá hạn.
- 7.4 **Không phụ thuộc vào Thời Hạn Vay, Khách Hàng đồng ý cho NVS trích tiền để thu hồi tất cả các khoản nợ, bao gồm nhưng không giới hạn, nợ gốc và lãi vay ngay khi Khách Hàng có tiền trong TKGDQK.** Việc trả nợ được thực hiện một lần hoặc nhiều lần (thanh toán từng phần) tùy thuộc vào số dư tiền có trong TKGDQK của Khách Hàng và theo quy định về việc trả nợ của NVS trong từng thời kỳ.
- 7.5 Khách Hàng đồng ý rằng NVS có quyền thu hồi nợ trước hạn, bao gồm nhưng không giới hạn, toàn bộ dư nợ gốc và nợ lãi vay của Các Khoản Vay, và chấm dứt Hợp Đồng trong các trường hợp sau:
- 7.5.1 Khách Hàng có liên quan đến các vụ kiện mà theo nhận định của NVS là có ảnh hưởng đến phần lớn tài sản của Khách Hàng;
 - 7.5.2 Khách Hàng không thể thanh toán một khoản nợ bất kỳ đúng hạn mà theo nhận định của NVS là có ảnh hưởng đến khả năng hoàn trả các khoản nợ đối với NVS;
 - 7.5.3 Khách Hàng vi phạm bất kỳ nội dung nào trong Hợp Đồng này và/hoặc cam kết đã ký với NVS;
 - 7.5.4 Khách Hàng không đồng ý với những thay đổi, bổ sung Hợp Đồng do NVS đưa ra;
 - 7.5.5 Khách Hàng cung cấp thông tin sai sự thật;
 - 7.5.6 Khách hàng là cá nhân bị chết mà không có người thừa kế được NVS chấp thuận;
 - 7.5.7 Khách Hàng là cá nhân bị mất năng lực hành vi dân sự, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị khởi tố/truy tố/xét xử về hình sự;
 - 7.5.8 Khách Hàng là tổ chức bị giải thể, ngừng hoạt động, chia tách, hợp nhất, sát nhập, chuyển đổi hình thức, cổ phần hóa hoặc thay đổi chủ sở hữu...; Người đại diện theo pháp luật, người điều hành của Khách Hàng bị khởi tố/truy tố/xét xử về hình sự;

- 7.5.9 Khi NVS quyết định ngừng cho vay GDKQ theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, do thay đổi chiến lược kinh doanh, hay do bất kỳ nguyên nhân nào khác;
- 7.5.10 Các trường hợp khác mà NVS xét thấy cần thiết để bảo đảm thu hồi vốn cho NVS.
- 7.6 Việc thu nợ được thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau: phí giao dịch/các khoản phải trả khác của Khách Hàng (nếu có), chi phí xử lý Tài Sản Đảm Bảo (nếu có), lãi quá hạn (nếu có), lãi vay, nợ gốc của Các Khoản Vay. NVS có quyền đơn phương thay đổi thứ tự ưu tiên thu hồi nợ này.

ĐIỀU 8. TÀI SẢN ĐẢM BẢO VÀ YÊU CẦU KÝ QUỸ BỔ SUNG

- 8.1 Khách Hàng đồng ý sử dụng toàn bộ tài sản trên TKGDQ, bao gồm nhưng không giới hạn, tiền và chứng khoán hiện có, tiền bán chứng khoán và chứng khoán đang chờ về, các quyền liên quan đến các chứng khoán này để làm Tài Sản Đảm Bảo cho nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi của Các Khoản Vay tại NVS cũng như bất kỳ khoản nợ/nghĩa vụ/trách nhiệm có liên quan khác của Khách Hàng đối với NVS cho tới khi Khách Hàng hoàn tất các nghĩa vụ/trách nhiệm nói trên, ngay cả khi Hợp Đồng đã bị hủy bỏ, chấm dứt, vô hiệu.
- 8.2 Tiền và/hoặc chứng khoán phát sinh do thực hiện các quyền liên quan tới nhận cổ tức, cổ phiếu thưởng, mua chứng khoán phát hành thêm sẽ được tự động bổ sung vào Tài Sản Đảm Bảo tại thời điểm phân bổ về TKGDQ của Khách Hàng.
- 8.3 Việc sử dụng tài sản của bên thứ ba hoặc các tài sản khác (ngoài tiền và chứng khoán trên tài khoản giao dịch chứng khoán của Khách Hàng tại NVS) làm Tài Sản Đảm Bảo được thực hiện theo quy định từng thời kỳ của NVS phù hợp với quy định của pháp luật.
- 8.4 Trong trường hợp Tài Sản Đảm Bảo không đủ để đảm bảo cho Khoản Vay, Khách Hàng hiểu rõ và đồng ý ủy quyền cho NVS tự động chuyển vào TKGDQ toàn bộ số dư tiền và chứng khoán có trong TKGDQ của Khách Hàng để làm Tài Sản Đảm Bảo.
- 8.5 Trường hợp chứng khoán không còn nằm trong Danh Mục Chứng Khoán Ký Quỹ, NVS không thực hiện cho vay mới đối với các chứng khoán này và không tính chứng khoán này làm Tài Sản Thực Có của Khách Hàng trên TKGDQ nhưng vẫn coi các chứng khoán này làm Tài Sản Đảm Bảo cho Các Khoản Vay của Khách Hàng.
- 8.6 Tài Sản Đảm Bảo không được phép rút ra, chuyển đi, cho tặng, thừa kế, góp vốn hay sử dụng làm tài sản đảm bảo cho bất kỳ nghĩa vụ nào của Khách Hàng với bất kỳ bên thứ ba nào khi Khách Hàng còn nợ NVS, trừ trường hợp NVS cho phép khác đi bằng văn bản.
- 8.7 Khách Hàng được rút tiền hoặc chuyển khoản tiền từ TKGDQ sang TKGDQTT khi thỏa mãn các điều kiện sau:
- 8.7.1 TKGDQ của Khách Hàng phải có tiền;
- 8.7.2 Giao dịch rút tiền phải thực hiện trước 16 giờ 00 phút hàng ngày;
- 8.7.3 Sau khi rút tiền, TKGDQ của Khách Hàng vẫn đảm bảo Tỷ Lệ Ký Quỹ Ban Đầu theo quy định của pháp luật và của NVS từng thời kỳ.
- 8.8 NVS được quyền phong tỏa một phần hoặc toàn bộ Tài Sản Đảm Bảo tại bất kỳ thời điểm nào, can thiệp hoặc ngăn chặn bất kỳ giao dịch nào của Khách Hàng thực hiện trên TKGDQ nếu NVS nhận thấy giao dịch đó làm ảnh hưởng đến khả năng và nghĩa vụ trả nợ của Khách Hàng.
- 8.9 NVS có quyền định giá giá trị Tài Sản Đảm Bảo của Khách Hàng theo cách thức mà NVS thấy phù hợp và Khách Hàng cam kết chấp nhận việc định giá đó mà không có bất kỳ khiếu nại hay phản đối nào.
- 8.10 Trong trường hợp TKGDQ không đảm bảo Tỷ Lệ Ký Quỹ An Toàn, Khách Hàng không được chuyển khoản/rút tiền, chuyển khoản/cho tặng chứng khoán, cầm cố chứng khoán trên TKGDQTT nhưng được chuyển tiền và/hoặc chứng khoán sang TKGDQ, trừ trường hợp NVS cho phép khác đi bằng văn bản.
- 8.11 Khi Tỷ Lệ Ký Quỹ trên TKGDQ xuống thấp hơn Tỷ Lệ Ký Quỹ Cảnh Báo, Khách Hàng sẽ phải bổ sung Tài Sản Đảm Bảo và/hoặc giảm Dư Nợ Ký Quỹ để đưa Tỷ Lệ Ký Quỹ trên TKGDQ của Khách Hàng tối thiểu bằng Tỷ Lệ Ký Quỹ An Toàn.
- 8.12 Khi Tỷ Lệ Ký Quỹ trên TKGDQ xuống thấp hơn Tỷ Lệ Ký Quỹ Xử Lý, NVS sẽ gửi Yêu Cầu Ký Quỹ Bổ Sung tới Khách Hàng. Khách Hàng có nghĩa vụ bổ sung Tài Sản Đảm Bảo và/hoặc giảm Dư Nợ Ký Quỹ để đưa Tỷ Lệ Ký Quỹ trên TKGDQ của Khách Hàng tối thiểu bằng Tỷ Lệ Ký Quỹ An Toàn trong thời hạn từ một (01) đến ba (03) ngày làm việc tùy theo thông báo của NVS trong Yêu Cầu Ký Quỹ Bổ Sung, tính từ ngày NVS gửi Yêu Cầu Ký Quỹ Bổ Sung.
- 8.13 Yêu Cầu Ký Quỹ Bổ Sung được thông báo tới Khách Hàng thông qua gọi điện thoại và/hoặc gửi tin nhắn SMS và/hoặc gửi email theo thông tin được Khách Hàng cung cấp tại Hợp Đồng này. Yêu Cầu Ký Quỹ Bổ Sung của NVS được xem là đã được gửi tới Khách Hàng vào thời điểm i/ Hệ Thống của NVS ghi nhận cuộc gọi mà NVS gọi cho Khách Hàng (dù có kết nối được hay không); hoặc ii/ tin nhắn SMS được gửi đi thành công theo ghi nhận trên Hệ Thống/thiết bị của NVS; hoặc iii/ email gửi thành công theo ghi nhận trên Hệ Thống/thiết bị của NVS.
- 8.14 Việc bổ sung Tài Sản Đảm Bảo được thực hiện dưới các hình thức: i/ bằng tiền; ii/ bằng Chứng Khoán Ký Quỹ; iii/ bằng tài sản khác theo quy định của NVS và pháp luật.

ĐIỀU 9. XỬ LÝ TÀI SẢN ĐẢM BẢO

- 9.1 NVS có toàn quyền xử lý Tài Sản Đảm Bảo của Khách Hàng trong các trường hợp sau:
- 9.1.1 Hết thời hạn thông báo trong Yêu Cầu Ký Quỹ Bổ Sung mà Khách Hàng không thể đưa Tỷ Lệ Ký Quỹ trên TKGDQ của Khách Hàng tối thiểu bằng Tỷ Lệ Ký Quỹ An Toàn;
- 9.1.2 Khoản Vay không được gia hạn mà Khách Hàng chưa hoàn thành nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi vay vào ngày kết thúc

Thời Hạn Vay;

- 9.1.3 Khoản Vay bị thu hồi trước hạn theo quy định tại Điều 7.5 của Hợp Đồng.
- 9.2 Ngay khi phát sinh một trong các trường hợp nêu tại Điều 9.1 của Hợp Đồng, NVS có quyền lựa chọn thực hiện một hoặc đồng thời các phương thức xử lý Tài Sản Đảm Bảo sau:
- 9.2.1 Khấu trừ các khoản tiền có trên TKGDQ, TKGDTT và tài khoản giao dịch chứng khoán khác của Khách Hàng để thu hồi nợ;
- 9.2.2 Bán một phần hoặc toàn bộ chứng khoán của bất kỳ loại chứng khoán nào có trên TKGDQ, TKGDTT và tài khoản giao dịch chứng khoán khác của Khách Hàng mà không cần có sự chấp thuận của Khách Hàng để thu hồi nợ. NVS có quyền đặt bán ở bất kỳ mức giá nào, kể cả là giá sàn để đạt được mục tiêu khớp bán được chứng khoán. Khách Hàng đồng ý và cam kết không có bất kỳ khiếu nại, tranh chấp nào liên quan đến mức giá bán chứng khoán nêu trên;
- 9.2.3 Trực tiếp nhận Tài Sản Đảm Bảo để bù trừ các nghĩa vụ nợ của Khách Hàng theo Hợp Đồng này theo mức giá cả do NVS quyết định và phù hợp với quy định của pháp luật;
- 9.2.4 Tự mình hoặc ủy quyền cho bên thứ ba thực hiện quyền chuyển nhượng, bán Tài Sản Đảm Bảo theo cách thức, giá cả do NVS quyết định;
- 9.2.5 Các phương thức xử lý tài sản khác được pháp luật quy định và các phương thức khác không trái với pháp luật tại thời điểm áp dụng.
- 9.3 Việc bán giải chấp Tài Sản Đảm Bảo do NVS toàn quyền quyết định mà không phụ thuộc vào việc Khách Hàng có nhận được thông báo bán Tài Sản Đảm Bảo hay không. Thời điểm xử lý Tài Sản Đảm Bảo do NVS quyết định. NVS sẽ gửi bản sao kê kết quả giao dịch bán Tài Sản Đảm Bảo khi Khách Hàng có yêu cầu.
- 9.4 Khách Hàng đồng ý rằng nếu sau khi bán Tài Sản Đảm Bảo mà tổng số tiền trên TKGDQ, TKGDTT và tài khoản giao dịch chứng khoán khác của Khách Hàng không đủ trả hết nợ cho NVS thì NVS có toàn quyền áp dụng các quy định/biện pháp sau đây:
- 9.4.1 Yêu cầu phong tỏa và trích/khấu trừ tiền trong tài khoản ngân hàng của Khách Hàng để thanh toán khoản tiền Khách Hàng nợ NVS; và/hoặc
- 9.4.2 Yêu cầu cơ quan chi trả tiền/thu nhập cho Khách Hàng thực hiện việc khấu trừ từ khoản tiền phải trả cho Khách Hàng để thanh toán khoản tiền Khách Hàng nợ NVS; và/hoặc
- 9.4.3 Định đoạt các tài sản khác của Khách Hàng để thu hồi một phần hoặc toàn bộ khoản tiền Khách Hàng nợ NVS.
- 9.5 Khách Hàng đồng ý rằng: i/NVS có quyền sử dụng một hoặc tất cả các biện pháp thu hồi nợ nêu trên; ii/ Các cơ quan/tổ chức có liên quan (ngân hàng, cơ quan chi trả tiền/thu nhập...) có quyền thực hiện theo yêu cầu bằng văn bản của NVS mà không cần thêm bất kỳ sự chấp thuận nào từ Khách Hàng miễn rằng NVS có chứng cứ về việc Khách Hàng chưa trả hết nợ cho NVS.
- 9.6 Tiền thu được từ việc xử lý Tài Sản Đảm Bảo sẽ được thanh toán theo thứ tự như sau:
- 9.6.1 Chi phí xử lý Tài Sản Đảm Bảo;
- 9.6.2 Thuế;
- 9.6.3 Giá/Phí Dịch Vụ;
- 9.6.4 Lãi vay và lãi vay quá hạn;
- 9.6.5 Các khoản phải trả/phạt/bồi thường thiệt hại khác (nếu có);
- 9.6.6 Nợ gốc của Khoản Vay.

NVS sẽ trả lại số tiền dư cho Khách Hàng. Các chi phí, Thuế, nghĩa vụ tài chính khác phát sinh trong quá trình xử lý Tài Sản Đảm Bảo do Khách Hàng chịu.

- 9.7 Nếu việc xử lý Tài Sản Đảm Bảo không thể thu hồi được hết nợ thì Khách Hàng hoặc những người thừa kế, bảo lãnh của Khách Hàng có nghĩa vụ tiếp tục hoàn tất nghĩa vụ trả nợ cho NVS.
- 9.8 Việc NVS tiến hành xử lý Tài Sản Đảm Bảo không đồng nghĩa với việc Khách Hàng không còn trách nhiệm thực việc hoàn trả nợ cho NVS nữa. NVS vẫn giữ quyền yêu cầu Khách Hàng phải thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ nợ với NVS cho tới khi các nghĩa vụ này được hoàn tất và có quyền khởi kiện Khách Hàng ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền trong trường hợp Khách Hàng từ chối hoặc không hợp tác trong việc hoàn tất các nghĩa vụ nợ này.

ĐIỀU 10. XÁC NHẬN VÀ CAM KẾT CỦA KHÁCH HÀNG

- 10.1 Khách Hàng xác nhận đã được NVS giải thích rõ, đã hiểu và chấp nhận các rủi ro có thể phát sinh khi thực hiện GDKQ và thừa nhận là NVS sẽ không phải chịu trách nhiệm đối với bất kỳ khoản thua lỗ, chi phí hay thiệt hại nào phát sinh từ việc Khách Hàng thực hiện GDKQ;
- 10.2 Khách Hàng xác nhận đã đọc và hiểu đầy đủ các điều kiện và điều khoản của Hợp Đồng, các quy định có liên quan của NVS cũng như của pháp luật về GDKQ. Khách Hàng cam kết có đủ thẩm quyền cần thiết để ký Hợp Đồng và tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của Hợp Đồng và pháp luật liên quan;
- 10.3 Khách Hàng cam kết không chuyển nhượng các quyền và nghĩa vụ theo Hợp Đồng này cho bất kỳ bên thứ ba nào, trừ khi được sự đồng ý trước bằng văn bản của NVS;
- 10.4 Khách Hàng cam kết không thuộc những đối tượng bị cấm thực hiện GDKQ theo quy định của pháp luật;
- 10.5 Khách Hàng cam kết cung cấp đầy đủ, trung thực và kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến nhân thân, GDKQ, vay vốn, Tài Sản Đảm Bảo và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin, tài liệu đã cung cấp. Trong trường hợp Khách Hàng

- cung cấp thông tin không đúng sự thật dù vô ý hay cố ý, dù một phần hay toàn bộ, hoặc thực hiện hành vi mâu thuẫn với các trình bày nêu trên, Khách Hàng được xem là vi phạm Hợp Đồng và đồng ý cho phép NVS xử lý theo Điều 13.2.3 của Hợp Đồng;
- 10.6 Khách Hàng thừa nhận rằng bất cứ hành động truy cập vào Hệ Thống và giao dịch nào trên tài khoản của Khách Hàng bằng tên truy cập của Khách Hàng đều được coi là do chính Khách Hàng thực hiện truy cập và giao dịch. Khách Hàng thừa nhận việc đặt Lệnh GDKQ thông qua các phương thức từ xa luôn tồn tại những rủi ro tiềm tàng do lỗi của Hệ Thống hoặc của bất kỳ bên thứ ba nào khác. Khách Hàng cam kết chấp nhận mọi rủi ro, mất mát hoặc thiệt hại nào khác phát sinh thông qua các phương tiện đặt lệnh nêu trên do lỗi Hệ Thống, lỗi của bất kỳ bên thứ ba hoặc do các hành vi của Khách Hàng ảnh hưởng đến việc thực hiện giao dịch mua/bán chứng khoán hoặc sử dụng TKGDKQ;
- 10.7 Khách Hàng xác nhận và cam kết không khiếu nại, khiếu kiện với kết quả giao dịch trong trường hợp sau ba (03) ngày làm việc tính từ thời điểm phát sinh giao dịch mà Khách Hàng không có phản hồi chính thức bằng văn bản tới NVS;
- 10.8 Khách Hàng cam kết chủ động theo dõi biến động giá chứng khoán hàng ngày, các thông tin về thực hiện quyền liên quan tới Chứng Khoán Ký Quỹ, chủ động bổ sung Tài Sản Đảm Bảo và/hoặc trả bớt nợ để giảm Dư Nợ Ký Quỹ để đảm bảo duy trì tỷ lệ ký quỹ hiện tại luôn lớn hơn hoặc bằng Tỷ Lệ Ký Quỹ An Toàn, thực hiện công bố thông tin liên quan đến giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật kể cả khi NVS xử lý Tài Sản Đảm Bảo;
- 10.9 Khách Hàng đồng ý cho NVS thực hiện lập hóa đơn tài chính cho các dịch vụ mà Khách hàng đã sử dụng định kỳ vào ngày cuối cùng của tháng phát sinh hoạt động cung cấp dịch vụ. Trong trường hợp Khách hàng không yêu cầu nhận hóa đơn tài chính thì NVS sẽ làm theo đúng quy định của pháp luật về thuế liên quan đến việc xuất hóa đơn;
- 10.10 Khách Hàng cam kết vô điều kiện dùng mọi nguồn thu và tài sản của Khách Hàng để hoàn tất nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi của Các Khoản Vay tại NVS cũng như bất kỳ khoản nợ/ngĩa vụ/trách nhiệm có liên quan khác của Khách Hàng đối với NVS;
- 10.11 Khách Hàng cam kết tạo mọi điều kiện thuận lợi và không làm bất cứ điều gì gây khó khăn, trở ngại trong trường hợp NVS phải xử lý Tài Sản Đảm Bảo theo quy định tại Hợp Đồng.

ĐIỀU 11. THÔNG BÁO

- 11.1 NVS sẽ thông báo cho Khách Hàng trong trường hợp i/ Yêu Cầu Ký Quỹ Bổ Sung, ii/ Khách Hàng vi phạm Hợp Đồng, iii/ NVS chấm dứt hoặc tạm dừng cung cấp dịch vụ GDKQ. Những thay đổi về Danh Mục Chứng Khoán Ký Quỹ, Tỷ Lệ Ký Quỹ Ban Đầu, Tỷ Lệ Ký Quỹ An Toàn, Tỷ Lệ Ký Quỹ Cảnh Báo, Tỷ Lệ Ký Quỹ Xử Lý, Hạn Mức Cho Vay, Thời Hạn Vay, Lãi Suất Cho Vay sẽ được công bố tại quầy giao dịch và/hoặc trên website của NVS. Chỉ khi những thay đổi này áp dụng riêng với Khách Hàng thì mới được thông báo riêng cho Khách Hàng.
- 11.2 Các thông báo của NVS cho Khách Hàng theo Hợp Đồng được thực hiện bằng cách i/ công bố trên website của NVS, và/hoặc ii/ gọi điện thoại, và/hoặc iii/ gửi tin nhắn SMS, và/hoặc iv/ gửi email. Thông báo của NVS được xem là đã được gửi tới Khách Hàng khi i/ thông báo đã được đăng trên website NVS, và/hoặc ii/ cuộc gọi điện thoại đến Khách Hàng được ghi nhận trên Hệ Thống của NVS (dù có kết nối với Khách Hàng được hay không), và/hoặc iii/ Hệ Thống của NVS ghi nhận tin nhắn SMS được gửi đi thành công, và/hoặc iv/ email đã được gửi đi thành công theo ghi nhận trên Hệ Thống của NVS. Khách Hàng chấp nhận rằng thông báo có thể không tới được Khách Hàng do lỗi đường truyền, do không thể kết nối được với điện thoại của Khách Hàng, do hệ thống quản lý email của Khách Hàng, do Khách Hàng không cung cấp thông tin liên hệ hoặc không cập nhật những thay đổi về thông tin liên hệ, do những nguyên nhân khác ngoài khả năng kiểm soát của NVS và do vậy NVS sẽ không chịu trách nhiệm về việc Khách Hàng không nhận được thông báo từ NVS.
- 11.3 Các thông báo của Khách Hàng gửi cho NVS phải được gửi dưới hình thức văn bản chuyển tận nơi hoặc gửi thư bảo đảm tới trụ sở chính của NVS. Thông báo chỉ được xem là gửi thành công khi đại diện của NVS tiếp nhận thông báo trực tiếp từ Khách Hàng hoặc ký nhận thư bảo đảm.
- 11.4 Khách Hàng có trách nhiệm tự theo dõi và thực hiện các nghĩa vụ phát sinh theo quy định tại Hợp Đồng. Việc Khách Hàng không nhận được thông báo của NVS không phải là lý do để NVS phải hoãn thực hiện các biện pháp cần thiết hoặc là lý do để Khách Hàng trì hoãn thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Hợp Đồng.

ĐIỀU 12. VI PHẠM HỢP ĐỒNG VÀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI

- 12.1 Bên vi phạm Hợp Đồng gây thiệt hại cho Bên kia thì phải bồi thường thiệt hại cho Bên bị vi phạm theo quy định của Hợp Đồng và pháp luật.
- 12.2 Trong trường hợp Khách Hàng vi phạm bất kỳ quy định nào của Hợp Đồng này, NVS có quyền chấm dứt cung cấp dịch vụ GDKQ và thu hồi trước hạn Các Khoản Vay. Khách Hàng có nghĩa vụ thanh toán cho NVS tất cả các khoản nợ và chi phí phát sinh liên quan theo thông báo của NVS. NVS có toàn quyền xử lý Tài Sản Đảm Bảo ngay sau khi gửi thông báo đến cho Khách Hàng.

ĐIỀU 13. HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

- 13.1 Hợp Đồng có hiệu lực kể từ ngày ký. Trừ khi có quy định khác trong Hợp Đồng, mọi sửa đổi, bổ sung liên quan đến Hợp Đồng chỉ có hiệu lực khi được lập thành văn bản và có đủ chữ ký của đại diện có thẩm quyền của Hai Bên. Các sửa đổi, bổ sung được lập thành Phụ lục của Hợp Đồng và là một phần không thể tách rời của Hợp Đồng.
- 13.2 Hợp Đồng chấm dứt trong những trường hợp sau đây:
- 13.2.1 Khi Hợp đồng mở TKGDTT chấm dứt hiệu lực;

- 13.2.2 Khách Hàng có văn bản yêu cầu chấm dứt Hợp Đồng gửi cho NVS trước năm (05) ngày làm việc và sau khi Khách Hàng đã hoàn tất đầy đủ các nghĩa vụ đối với NVS;
- 13.2.3 Theo thông báo chấm dứt Hợp Đồng do NVS gửi đến cho Khách Hàng chậm nhất hai (02) ngày làm việc trước ngày dự định chấm dứt khi xảy ra một trong các sự kiện sau:
 - 13.2.3.1 Trường hợp bất khả kháng như thiên tai, chiến tranh, đóng cửa thị trường chứng khoán trong thời gian kéo dài mà không thể khắc phục được và Khách Hàng đã trả hết nợ NVS;
 - 13.2.3.2 Khách Hàng vi phạm bất kỳ quy định nào trong Hợp Đồng này mà theo đánh giá của NVS là nghiêm trọng và không thể khắc phục trong thời hạn do NVS yêu cầu và/hoặc Khách Hàng vi phạm các quy định của SGDKK hoặc pháp luật về giao dịch chứng khoán;
 - 13.2.3.3 Khách Hàng ở trong tình trạng tài chính, mà theo nhận định của NVS, có khả năng ảnh hưởng đến việc thực hiện và tuân thủ Hợp Đồng và/hoặc Khách Hàng không đáp ứng được các yêu cầu về an toàn tài sản theo quy định tại Hợp Đồng;
 - 13.2.3.4 Các trường hợp khác có bằng chứng đáng tin cậy chứng minh rằng NVS hoặc Khách Hàng không thể tiếp tục thực hiện Hợp Đồng, bao gồm nhưng không giới hạn, Khách Hàng là cá nhân bị chết, mất tích, mất năng lực hành vi, bị kết án hình sự; Khách Hàng là tổ chức bị giải thể, phá sản; NVS ngừng cung cấp dịch vụ cho vay GDKQ; NVS bị giải thể, bị phá sản, bị đình chỉ hoạt động, thu hồi giấy phép hoạt động.
 - 13.2.3.5 Theo quyết định của NVS hoặc theo quy định của pháp luật.
- 13.3 Không làm ảnh hưởng đến các quyền khác của NVS, khi Hợp Đồng chấm dứt, Các Khoản Vay, các nghĩa vụ, trách nhiệm, khoản phải trả của Khách Hàng đối với NVS sẽ tự động đến hạn thanh toán, và NVS hoặc bên được NVS ủy quyền, có quyền tiến hành các công việc sau:
 - 13.3.1 Dừng tiền, chứng khoán và tài sản khác trong TKGDKQ, TKGDĐT và tài khoản giao dịch chứng khoán khác của Khách Hàng để thực hiện mọi nghĩa vụ, trách nhiệm của Khách Hàng theo Hợp Đồng này;
 - 13.3.2 Đóng TKGDKQ;
 - 13.3.3 Thanh lý Hợp Đồng với Khách Hàng theo quy định của NVS.

ĐIỀU 14. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

- 14.1 **Cam kết tự nguyện ký kết.** Các Bên xác nhận đã xem toàn bộ Hợp Đồng này, hiểu rõ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của mình, ý nghĩa và hậu quả pháp lý của việc giao kết Hợp Đồng này. Hai Bên chịu trách nhiệm trước pháp luật về các cam kết sau đây:
 - 14.1.1 Những thông tin của Các Bên trong Hợp Đồng này là đúng sự thật;
 - 14.1.2 Đã xem xét kỹ, hiểu rõ nội dung Hợp Đồng;
 - 14.1.3 Việc giao kết Hợp Đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối hoặc ép buộc;
 - 14.1.4 Thực hiện đúng và đầy đủ tất cả các thoả thuận và cam kết đã ghi trong Hợp Đồng này.
- 14.2 **Cam kết bảo mật.** Mỗi Bên cam kết sẽ giữ bí mật tất cả các thông tin có được từ Hợp Đồng này, và sẽ không tiết lộ cho bất kỳ bên thứ ba nào khác, trừ khi được sự đồng ý của của Bên kia bằng văn bản, trừ trường hợp phải tiết lộ thông tin theo quy định của pháp luật hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Quy định về bảo mật tại Điều này vẫn tiếp tục có hiệu lực sau khi Hợp Đồng này chấm dứt hiệu lực.
- 14.3 **Luật điều chỉnh.** Hợp Đồng này được giải thích và điều chỉnh bởi pháp luật Việt Nam.
- 14.4 **Giải quyết tranh chấp.** Mọi tranh chấp phát sinh từ và/hoặc liên quan đến Hợp Đồng trước hết được giải quyết thông qua thương lượng. Nếu không giải quyết được bằng thương lượng thì một trong Hai Bên có quyền yêu cầu cơ quan Tòa án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật. Trong quá trình tố tụng, vì bất cứ lý do gì mà Khách Hàng vắng mặt thì Khách Hàng chấp nhận việc Tòa án xét xử vắng mặt Khách Hàng, kể cả trường hợp không lấy được lời khai của Khách Hàng. Án phí và các chi phí phát sinh liên quan sẽ do Bên thua kiện chịu.
- 14.5 Hợp Đồng này là cấu thành một phần không tách rời của Hợp đồng mở TKGDĐT giữa Khách Hàng và NVS. Các nội dung không được quy định tại Hợp Đồng sẽ được thực hiện theo quy định tại Hợp đồng mở TKGDĐT và quy định của NVS, SGDKK và pháp luật liên quan. Trường hợp có sự khác nhau giữa nội dung của Hợp đồng mở TKGDĐT và Hợp Đồng này về cùng một vấn đề thì quy định của Hợp Đồng này được ưu tiên áp dụng.